

CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

SỐ TNDKSP: 021/2025/ĐKSP

**THỰC PHẨM DINH DƯỠNG Y HỌC
NUTRICARE GOLD**

Năm 2025

Bắc Ninh, ngày 21 tháng 02 năm 2025

GIẤY TIẾP NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 021/2025/ĐKSP

Ban Quản lý An toàn thực phẩm tỉnh Bắc Ninh xác nhận đã nhận Bản công bố sản phẩm của:

Tên tổ chức/cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE.**

Địa chỉ trụ sở: Số 5, ngõ 9/76 phố Mai Dịch, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ VPGD: Tòa nhà Nutricare, số 8, Khu A-TT2 Him Lam, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 02466833368 Fax: E-mail:

Cho sản phẩm: **Thực phẩm dinh dưỡng y học Nutricare Gold**

Do Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare, địa chỉ Nhà máy 1, Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Thanh Khương, Thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam sản xuất phù hợp với:

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

- QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

- Tiêu chuẩn sản phẩm số: 16/2025/TCSP-NUTRI.

Doanh nghiệp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm đã công bố.

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân;
- Lưu VT, NV.



Ký bởi: BAN QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM
Email: bqltt@bacninh.gov.vn
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH
Ngày ký: 24-02-2025 11:27:54 +07:00

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 16/2025/CBSP-NUTRI

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE.**

Địa chỉ: Số 5, ngõ 9/76 phố Mai Dịch, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

VPGD: Tòa nhà Nutricare, số 8, khu A-TT2 Him Lam, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 02466833368

Mã số doanh nghiệp: 0104937284

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: Thực phẩm dinh dưỡng y học Nutricare Gold.

2. Thành phần:

Chất béo thực vật, Đạm sữa (Đạm sữa cô đặc, Sữa bột gầy, Đạm Whey), Maltodextrin, Sucrose, Đạm đậu nành, Chất xơ hòa tan (Inulin/Polydextrose), Hỗn hợp Vitamin và Khoáng chất (Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetat, Phylloquinon, Natri-L-ascorbat, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Niacinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydroclorid, Axit folic, Cyanocobalamin, D-Biotin, Natri clorid, Kali clorid, Canxi carbonat, Tricanxi phosphat, Magiê oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Kali iodid, Mangan sulfat, Đồng sulfat, Natri selenit, Crôm clorid, Natri molybdat), Canxi β -hydroxy- β -methylbutyrat (CaHMB), D-Glucosamin sulfat kali clorid, Cholin, Lactium (50 mg/100 g), Taurin, Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm, Lactase.

3. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu tạo nên công dụng của sản phẩm (đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe): Sản phẩm không phải là thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

4. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất, hạn sử dụng được in trên bao bì sản phẩm.

5. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- **Quy cách bao gói:** Khối lượng tịnh 40 g, 51g, 200g, 300g, 400g, 500g, 800g, 850g, 900g, 1kg, 1.8kg. (Đóng gói phù hợp quy định về đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn).

- **Chất liệu bao bì:** Sản phẩm được đóng gói trong lon thiếc, túi tráng thiếc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

6. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare.

Địa chỉ: Nhà máy 1, Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Thanh Khương, Thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Điện thoại: 024.66.833.368

Giấy chứng nhận HACCP: Số: HA 273/4.23.03. Ngày cấp: 05/03/2023. Nơi cấp: Trung tâm chứng nhận phù hợp (QUACERT).

Giấy chứng nhận ISO 14001:2015: Số: MT 0329/3.23.11. Ngày cấp: Ngày cấp: 05/03/2023. Nơi cấp: Trung tâm chứng nhận phù hợp (QUACERT).

Giấy chứng nhận ISO 22000:2018: Số: HA 172/5.23.CIV. Ngày cấp: Ngày cấp: 05/03/2023. Nơi cấp: Trung tâm chứng nhận phù hợp (QUACERT).

III. Mẫu nhãn sản phẩm

(Đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.
- Tiêu chuẩn sản phẩm số: 16/2025/TCSP-NUTRI

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố và chỉ đưa sản phẩm vào sản xuất, kinh doanh khi đã được cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm./.

Hà Nội, ngày 19 tháng 02 năm 2025
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)


Nguyễn Đức Minh
TỔNG GIÁM ĐỐC

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH/AVERAGE NUTRITIONAL VALUES (1)			
Thành phần Components	Đơn vị Unit	Trong 100 g Per 100 g	Trong 1 ly pha nước (225 ml) Per serving
Năng lượng/Energy	kcal	440	225
Chất đạm/Protein	g	18,3	9,33
Lysin/Lysine	mg	1246	636
BCAA	mg	3302	1684
Leucin/Leucine	mg	1563	797
Isoleucin/Isoleucine	mg	822	420
Valin/Valine	mg	916	467
Arginin/Arginine	mg	838	427
Histidin/Histidine	mg	457	223
Phenylalanin/Phenylalanine	mg	703	358
Tyrosin/Tyrosine	mg	531	271
Theonin/Theonine	mg	694	354
Histionin/Histionine	mg	290	152
Tryptophan/Tryptophan	mg	200	102
Cystin/Cystine	mg	200	102
Asit glutamic/Glutamic acid	mg	3285	1676
Asit aspartic/Aspartic acid	mg	1694	864
Glycin/Glycine	mg	397	203
Alanin/Alanine	mg	605	309
Protein/Proline	mg	1140	581
Serin/Serine	mg	900	459
Chất béo/Lipid	g	14,5	7,40
Omega 3	mg	120	61,2
Omega 6	mg	1200	612
Omega 9	mg	5000	2550
Carbohydrat/Carbohydrate	g	54,1	27,6
Đường tổng số/Total sugars	g	14,5	7,40
Chất xơ hòa tan (Inulin/Polydextrose)	g	3,60	1,84
Prebiotic (Inulin/Polydextrose)	mg	49,5	25,2
Taurin/Taurine	mg	70,0	35,7
Cholin/Choline	mg	500	255
CaHMB	mg	410	209
HMB	mg	238	121
Glucosamin/Glucosamine	mg	301	154
Từ Glucosamin sulfate/From Glucosamine sulfate			
Vitamin/Vitamins	IU	1754	895
Vitamin A	IU	572	292
Vitamin D3	IU	20,0	10,2
Vitamin E	IU	28,9	14,8
Vitamin K1	µg	107	54,6
Vitamin C	µg	1209	617
Vitamin B1	µg	681	347
Vitamin B2	µg	11253	5739
Niacin	µg	4333	2210
Asit pantothenic/Pantothenic acid	µg	1677	855
Vitamin B6	µg	134	68,3
Asit folic/Folic acid	µg	6,99	3,56
Vitamin B12	µg	33,4	17,0
Khoáng chất/Minerals	mg	284	145
Natri/Sodium	mg	241	123
Kali/Potassium	mg	700	357
Canxi/Calcium	mg	426	217
Thiophosphat/Phosphorus	mg	97,9	49,9
Magiê/Magnesium	mg	3,82	1,95
Sắt/Iron	mg	10,0	5,12
Kẽm/Zinc	µg	1247	636
Mangan/Manganese	µg	236	120
Đồng/Copper	µg	82,0	41,8
1-β-Iodine	µg	24,4	12,4
Selen/Selenium	µg	24,9	12,7
Crôm/Chromium	µg	27,1	13,8
Molybden/Molybdenum	µg	27,1	13,8

THÀNH PHẦN/INGREDIENTS:

Chất béo thực vật, Đạm sữa (Đạm sữa có đặc, Sữa bột gầy, Đạm Whey), Maltodextrin, Sucrose, Đạm đậu nành, Chất xơ hòa tan (Inulin/Polydextrose), Hỗn hợp Vitamin và Khoáng chất (Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetat, Phylloquinon, Natri-L-ascorbat, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Niacinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydroclorid, Axit folic, Cyanocobalamin, D-Biotin, Natri clorid, Kali clorid, Canxi carbonat, Tricaxin phosphat, Magiê oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Kali iodid, Mangan sulfat, Đồng sulfat, Natri selenit, Crom clorid, Natri molybdat), Canxi β-hydroxy-β-methylbutyrat (CaHMB), D-Glucosamin sulfat kali clorid, Cholin, Lactium (50 mg/100 g), Taurin, Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm, Lactase.

Vegetable fat, Milk protein (Milk protein concentrate, Skim milk powder, Whey protein concentrate), Maltodextrin, Sucrose, Soy protein, Prebiotics (Inulin/Polydextrose), Premix of Vitamins & Minerals (Retinyl acetate, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetate, Phylloquinone, Sodium-L-ascorbate, Thiamin mononitrate, Riboflavin, Nicotinamide, Calcium-D-pantothenate, Pyridoxine hydrochloride, Folic acid, Cyanocobalamin, D-Biotin, Sodium chloride, Potassium chloride, Calcium carbonate, Tricalcium phosphate, Magnesium oxide, Iron pyrophosphate, Zinc sulfate, Potassium iodide, Manganese sulfate, Copper sulfate, Sodium selenite, Chromium chloride, Sodium molybdate), Canxi β-hydroxy-β-methylbutyrate (CaHMB), D-Glucosamine sulfate potassium chloride, Choline, Lactium (50 mg/100 g), Taurine, Synthetic flavour, Lactase.

ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG/USED FOR:

Thích hợp cho người lớn, người cao tuổi, người có nhu cầu bổ sung năng lượng cần phục hồi và tăng cường sức khỏe, đặc biệt cho người già yếu; Người ăn uống kém, khó nhai nuốt; Người trong thời kỳ dưỡng bệnh, trước và sau phẫu thuật; Người gặp các vấn đề căng thẳng, lo âu, mất ngủ. Phù hợp với người bất dung nạp đường lactose. Các trường hợp khác tham khảo ý kiến bác sĩ/chuyên gia dinh dưỡng./Suitable for adults, the elderly, people who need additional energy to recover and enhance health, especially for weak and emaciated people; People who eat poorly, have difficulty swallowing; People before and after surgery; People experiencing stress, anxiety or insomnia problems. Suitable for people who are lactose intolerant. In other cases consult the doctor/nutritionist.

CÔNG DỤNG/FEATURE:

Bổ sung các dưỡng chất cần thiết, tốt cho tim mạch, tiêu hoá, giúp tăng cường miễn dịch, cải thiện chất lượng giấc ngủ, hỗ trợ phục hồi và tăng cường sức khoẻ./Supplementing essential nutrients, good for the heart and digestion, helps strengthen immunity, improve sleep quality, support recovery and improve health.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG/INSTRUCTION FOR USE:

- 1) Rửa sạch tay với xà phòng và nước trước khi pha./Wash your hands with soap and water.
 - 2) Rửa sạch và đun sôi các dụng cụ, cốc và nắp trong 5 phút./All utensils must be cleaned and boiled for 5 minutes.
 - 3) Đun sôi nước để pha trong 5 phút và để nước nguội đến khoảng 50 °C./Boil the water for 5 minutes, then let it cool off to lukewarm (approximately 50 °C).
 - 4) Cho 190 ml nước ấm vào cốc/bình rồi cho 5 muỗng gạt (tương đương 51 g bột)./Pour 190 ml of water into the utensils, then add 5 scoops (approximately 51 g of powder).
 - 5) Khuấy hoặc lắc đều cho đến khi bột tan hết. Thủ độ nóng trước khi dùng./Stir well until the powder is completely dissolved. Check the heat before feeding.
- Hỗn hợp sau khi pha phải sử dụng hết trong vòng 3 giờ./Finish using product reconstituted feeding 3 hours after preparation.

LƯỢNG DÙNG KHUYẾN NGHỊ/RECOMMENDED INTAKE:

Uống 2 - 3 ly mỗi ngày./Use 2 - 3 servings per day.

(1) Hàm lượng các chất dinh dưỡng không thấp hơn 80% giá trị ghi trên nhãn.



CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE
M.S.D.N. 010493729-02
G. CÁI GIAY - TP. HÀ NỘI

TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Mạnh

Nutri Care

GOLD

DINH DƯỠNG PHỤC HỒI TĂNG CƯỜNG SỨC KHỎE

CHỨNG MINH LÀM SÁNG SỨC KHỎE (2)

MỖI NGÀY

ĐẠM, VITAMIN & KHOÁNG CHẤT PHỤC HỒI SỨC KHỎE

56 ĐƯỜNG CHẤT

GLUCOSAMIN, CANXI CƠ XƯƠNG KHỚP CHẮC KHỎE HMB

OMEGA 3 HỖ TRỢ PHÒNG NGỪA ĐỘT QUY

THỰC PHẨM DINH DƯỠNG Y HỌC

NGUYÊN LIỆU CHÍNH TỰ HOA KỸ

KHỐI LƯỢNG TÍNH/NET.WE: **850g**

GIẢM ĐƯỜNG

ÍT NGỌT



THỰC PHẨM DINH DƯỠNG Y HỌC NUTRICARE GOLD

Sản phẩm được nghiên cứu và phát triển bởi Viện Dinh Dưỡng Y Học Nutricare Hoa Kỳ bổ sung 56 dưỡng chất, đã được chứng minh làm sáng giúp phục hồi & tăng cường sức khỏe, hỗ trợ cơ xương khớp, tim mạch và giấc ngủ.

GIÚP PHỤC HỒI & TĂNG CƯỜNG SỨC KHỎE

56 dưỡng chất với Đạm thực vật & Đạm Whey⁽⁴⁾ dễ hấp thu từ Mỹ, cùng vitamin & khoáng chất đáp ứng khuyến nghị FDA Hoa Kỳ⁽⁵⁾, sản phẩm đã được chứng minh làm sáng giúp tăng cường sức khỏe, cải thiện tình trạng dinh dưỡng, tăng cường miễn dịch cải thiện tình trạng nhiễm khuẩn.

GIÚP CƠ XƯƠNG KHỚP CHẮC KHỎE

Canxi, Glucosamin và HMB giúp cơ xương khớp chỉ số mờ máu, sức khỏe tim mạch. Omega 3 hỗ trợ phòng ngừa đột quỵ, Omega 3,6,9 giúp giảm Cholesterol xấu và điều hòa mỡ máu cùng hệ Antioxidants⁽⁶⁾ tốt cho tim mạch, hỗ trợ phòng ngừa một số bệnh lý về tim mạch.

GIÚP NGỦ NGON, TIÊU HÓA KHỎE

Sản phẩm đã được chứng minh làm sáng giúp cải thiện tình trạng tiêu hóa và giấc ngủ. Lactium giúp ngủ ngon, kết hợp cùng Magiê & Vitamin B6 giảm căng thẳng, mệt mỏi. **Giàu chất xơ hòa tan** (Inulin/Polydextrose) giúp hệ tiêu hóa khỏe mạnh.

BẢO QUẢN/STORAGE:

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, tránh ánh nắng trực tiếp. Sản phẩm khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần./Close the product tightly after each use. Store in a cool and dry place, and avoid direct sunlight. Use within 3 weeks after first opened.

THƯƠNG NHÃN CHỤT TRÁCH NHIỆM VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA:


CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

VP&D: Tòa nhà Nutricare, 5/8, Khu A-TT2 Him Lam, Phường Văn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội. Điện thoại: 024.6683.3368

Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare.

Địa chỉ: Nhà máy 1, Lô VIL2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Thanh Khương, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam. Xuất xứ: Việt Nam. SĐT BKSP: NSX và HSD: Xem trên bao bì.

Nhà máy Nutricare đạt chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000:2018, Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP), HACCP Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001:2015.



Tìm hiểu thêm về sản phẩm tại đây

8 19 3 6 1 4 2 1 6 7 3 0 8 1

CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG

MIỄN PHÍ: 1800.0771

MIỄN PHÍ: 028.73.099.888

www.nutricare.com.vn

2) Trên nhóm bổ sung sản phẩm Nutricare Gold so với nhóm không. (3) Giảm đường so với sản phẩm Nutricare Gold cũ (số GSP: 108/NUTRICARE/2020). (4) Hàm lượng Đạm thực vật: 4,5% và Đạm Whey: 3,1%. (5) Ngopar từ Kali. (6) Hệ Antioxidants: Vitamin A, C, E & Selen.